TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **159**/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Từ Liêm, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2019/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1976.
- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1972.

Cùng HKTT: Tổ 55, phường M, quận H, TP. Hà Nội.

Cùng nơi cư trú: Số 3 ngõ 33/22 đường P, TDP Cầu 7, phường P, quận B, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 74 đăng ký ngày 15/12/1998 của UBND phường H, quận H, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Phạm Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Ngọc Th, sinh ngày 01/7/1999 và Phạm Ngọc K, sinh ngày 27/3/2007. Giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị V kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Cháu Th đã trưởng thành và khỏe mạnh nên ở với ai do cháu tự quyết định.

Chị V được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung, nhà đất: Anh chị đã tự thỏa thuận xong theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng ngày 10.5.2019 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Anh chị không có.

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị V tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị đã nộp đủ án phí theo Biên lai số 02639 ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội;
- UBND phường H, quận H, TP. Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Nga